TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Tuấn Thịnh
2. Ông Lương Văn Hưng.

Thư ký phiên toà: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - Sinh năm: 1998;
Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Trương Văn T - Sinh năm: 1993;
Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 08/6/2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị T trình bầy:

Chị và anh Trương Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2015, đến ngày 24/4/2017 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Nhuận, huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Anh T đi làm xa, không chăm lo gia đình, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát,

cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 09/2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, bản thân chị xét thấy T cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Chị T trình bầy, anh chị có hai con chung là cháu Trương Bảo N - Sinh ngày: 13/3/2016 và cháu Trương Bảo A – Sinh ngày: 25/3/2018, hiện nay cháu phát triển bình thường. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn vì hiện tại anh T đi làm xa không ở nhà, không có thời gian chăm sóc các con. Chị không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định, tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ nhưng không hòa giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại địa phương và không đến Tòa án làm việc trực tiếp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo T phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Lời khai của đương sự phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định các đương sự có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn của chị T và anh T được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trương Văn T; xử giao cháu Trương Bảo N - Sinh ngày: 13/3/2016 và cháu Trương Bảo A – Sinh ngày: 25/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đề nghị tuyên án phí, quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Trương Văn T và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã Phú Nhuận, huyện Bảo T. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Anh T đi làm xa, không chăm lo gia đình, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 09/2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án đã có biên bản làm việc với gia đình anh Trương Văn T, gia đình xác nhận anh chị có mâu thuẫn, hiện tại anh T đi làm xa nên chưa đến Tòa án làm việc được.

Mâu thuẫn của anh chị đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật, vì vậy việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T trình bầy, anh chị có hai con chung là cháu cháu Trương Bảo Nam - Sinh ngày: 13/3/2016 và cháu Trương Bảo A – Sinh ngày: 25/3/2018. Hiện tại hai cháu phát triển bình thường, quá trình giải quyết vụ án, chị T cung cấp đơn xin xác nhận tại địa phương có mức thu nhập từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị trình bầy hiện tại đang làm công nhân cho Công ty TNHH AMOVINA, mức lương 8.500.000 đồng, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con. Do anh T vắng mặt tại địa phương và không đến Tòa án trình bầy ý kiến. Vì vậy cần giao cháu Trương Bảo N và cháu Trương Bảo A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Lê Thị T ly hôn với anh Trương Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Trương Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trương Bảo N - Sinh ngày: 13/3/2016 và cháu Trương Bảo A – Sinh ngày: 25/3/2018 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; Anh

Trương Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002963 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai; Chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo T (2);
- THADS huyện Bảo T;
- UBND xã P;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo T (2);
- THADS huyện Bảo T;
- UBND TT Phố Lu;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên